

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CAO BẰNG**

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày: 04/07/2025

V/v: *Kiện đòi tiền.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Xuân Huy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Duyên

2. Ông Trịnh Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 51/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 05 năm 2025 về việc “Kiện đòi tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 05 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Kim C – sinh năm 1964 Địa chỉ: SN B, tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Bà Hà Thu T – sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm trọ phòng số 06, số nhà C, ngõ H, tổ A, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Nay là phường T, tỉnh Cao Bằng)

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Bùi Kim C trình bày:

Giữa tôi và cô T có mối quan hệ họ hàng xa, ngày 28 tháng 11 năm 2016 cô T có đến nhà và đề nghị vay tôi số tiền 40 triệu đồng để sửa chữa máy tính. Thấy cô T chăm chỉ làm ăn nên tôi đã cho cô T vay 40 triệu đồng, hai bên có lập văn bản và thoả thuận cô T sẽ trả lãi là 4%/tháng, thời hạn vay không xác định. Sau khi vay được tiền do làm ăn không được nên cô T đã không trả được lãi theo đúng hẹn và trốn biệt tích. Tôi có đưa đơn ra công an huyện T để giải quyết khi đó cô T có hứa là sẽ bán nhà để trả nợ. Tuy nhiên gia đình cô T vẫn không bán nhà để trả nợ cho tôi do vậy tôi viết đơn này đề nghị tòa án buộc cô T phải trả cho tôi số tiền gốc là 40 triệu đồng và số tiền lãi 1,66% một tháng, tính từ ngày 28 tháng 11 năm 2016 đến nay là 67.728.000đ. Tổng cộng số tiền tôi yêu cầu bạn T phải trả cho tôi là 107.728.000 đồng.

Tại buổi hoà giải và tại phiên toà bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng, đối với tiền lãi bà C yêu cầu tính lãi từ tháng 01/2017 âm lịch theo giấy vay tiền đến ngày xét xử. Về mức lãi suất bà C xin rút một phần lãi suất, tính mức lãi suất 13,5%/năm đối với khoản nợ trên.

Tại đơn trình bày ngày 28/05/2025 và tại buổi hoà giải bà Hà Thu T trình bày:

Tôi được biết bà C là người cho vay tiền lấy lãi, nhiều người đã được bà C cho vay tiền nên tôi đã xuống nhà bà C vay tiền để làm ăn. Lần đầu tiên tôi có vay 40 triệu với lãi suất cứ mỗi tháng trả 1.600.000 đồng có ghi lãi và ký nhận vào sổ của bà C. Khoản vay đó tôi đã trả lãi hàng tháng đầy đủ.

Sau đó tôi có nhu cầu vay thêm bà C có cho tôi vay thêm mấy lần nữa vì thấy tôi trả lãi hàng tháng đầy đủ. Cụ thể thời gian ngày giờ các lần vay có ghi trong cuốn sổ ghi nợ của bà C và có ký nhận. Do khoảng thời gian khá lâu nên tôi không nhớ chính xác mốc ngày tháng. Sau đó khi biết tôi làm ăn thua lỗ bà C đã gọi tôi xuống nhà tại tổ B thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng buộc tôi phải ghi tất cả các lần vay và một tờ giấy thành một món.

Sau khi tôi xuống nhà bà C viết giấy gộp nợ, bà C đã viết đơn trình báo lên cơ quan công an huyện T. Tôi được triệu tập đến cơ quan công an theo đơn bà C, tại cơ quan công an tôi đã viết Bản tự khai và nhận gộp nợ thành một khoản theo đơn của bà C. Nhưng giờ bà C làm đơn tách ra từng món vay vì vậy tôi yêu cầu bà C đưa toàn bộ những món vay bản chính không phải bản photo ra tòa và cả bản gộp nợ để xác thực tất cả các món này và hủy giấy tờ gộp nợ. Tôi không chấp nhận những tờ giấy vay nợ photo do bà C nộp lên Tòa vì bản thân tôi không được giữ bất cứ một giấy tờ vay nợ nào.

Tại phiên Tòa bà Hà Thu T giữ nguyên ý kiến về các khoản nợ. Về lãi suất bà đã được trả lãi nhiều lần tuy nhiên bà không có căn cứ để cho Hội đồng xét xử xem xét. Bà nhất trí trả nợ gốc nhưng bà không nhất trí trả lãi cho bà C.

Do hiện nay bà cũng có hoàn cảnh khó khăn do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà được trả tiền định mức cho bà C mỗi tháng 01 -02 triệu đồng/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 48, 195, 196, 197, 198, 203, 239 và 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, 49 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 51, 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị xét xử đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 77, Điều 78, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong vụ án và lời trình bày của đương sự xét thấy: : Giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập giao dịch dân sự vay tài sản. Theo đó, bà Hà Thu T vay bà Bùi Kim C số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) với lãi suất 04%/01 tháng (tính lãi suất từ ngày 01/01/2017 âm lịch), bà T có nghĩa vụ trả tiền cho bà Bùi Kim C theo đúng nội dung và thời gian đã thỏa thuận. Tuy nhiên, bà T đã không thực hiện nghĩa vụ như cam kết, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ dân sự, làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của bộ luật dân sự, cụ thể là nghĩa vụ hoàn trả lại khoản tiền đã nhận và lãi suất chậm trả đối với số tiền không hoàn trả đúng hạn. Việc bà T đưa ra lý do làm ăn thua lỗ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn là lý do mang tính cá nhân, không làm mất đi nghĩa vụ thanh toán.

Bà Bùi Kim C và bà Hà Thu T đã thỏa thuận lãi suất vay là 04%/tháng (tức 48%/năm) đã vượt quá lãi suất giới hạn được quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Bùi Kim C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 13,5%/năm. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất của bà Bùi Kim C là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bà Bùi Kim C. Căn cứ vào thỏa thuận của hai bên được thể hiện trong “Giấy vay tiền”, lãi suất được tính từ ngày 01/01/2017 âm lịch (tức ngày 28/01/2017 dương lịch).

Căn cứ Công văn số 505/CV-CSĐT ngày 19/9/2018 của Cơ quan CSĐT Công an huyện T, bị đơn Hà Thu T đã cam kết bán nhà để trả lại số tiền đã vay từ bà Bùi Kim C, tuy nhiên đến nay việc bán nhà và trả tiền cho bà C vẫn chưa được thực hiện thể hiện bà Hà Thu T không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ, gây

thiệt hại kéo dài cho nguyên đơn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Từ những căn cứ như trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ:

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 280, 281, 282, 290, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Kim C. Buộc bà Hà Thu T trả lại cho bà Bùi Kim C tổng số tiền 85.450.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 40.000.000 đồng và số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/07/2025) là 45.450.000 đồng)
2. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Kim C được chấp nhận do vậy bà Hà Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.272.000 đồng. Bà Bùi Kim C được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.
3. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Bùi Kim C khởi kiện “Kiện đòi tiền” với bà Hà Thu T có địa chỉ thường trú tại: Tổ F, thị trấn T, tỉnh Cao Bằng; nơi tạm trú: Xóm trọ phòng 6, số nhà C, ngõ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, yêu cầu khởi kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có địa chỉ tạm trú: Xóm trọ phòng 6, số nhà C, ngõ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Do vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng.

Các bên đương sự giao kết hợp đồng từ ngày 28/11/2016 âm lịch (tức ngày 26/12/2016 dương lịch) do vậy áp dụng khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết vụ án.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Nguyên đơn bà Bùi Kim C yêu cầu Tòa án buộc bà Hà Thu T trả lại số tiền đã vay ngày 28/11/2016 âm lịch (tức ngày 26/12/2016 dương lịch) là 40.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu lời khai, lời trình bày và những tài liệu được thu thập Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên toà giữa bà Bùi Kim C và Hà Thu T thống nhất xác định số tiền bà Hà Thu T đã vay của bà C ngày 28/11/2016 là 40.000.000 đồng. Bà Hà Thu T xác nhận bà chưa trả được một phần tiền gốc nào, bà nhất trí sẽ có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc trên cho bà Bùi Kim C. Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Kim C yêu cầu bà Hà Thu T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu tính lãi: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Hà Thu T thanh toán số tiền lãi kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1,66%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hà Thu T không nhất trí trả lãi cho bà Bùi Kim C với lý do bà đã trả lãi cho bà Bùi Kim C đến tháng 3/2017, tuy nhiên việc trả lãi chỉ được ghi trong sổ của bà Bùi Kim C, bà Hà Thu T không lưu giữ bất cứ tài liệu gì. Tại phiên toà bà C không thừa nhận bà T đã trả lãi. Phần trả lãi trong sổ của bà Bùi Kim C là bà Hà Thu T trả lãi cho khoản vay của mẹ bà T chứ không phải khoản vay của bà T.

Qua những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự có thể nhận thấy. Khi xác lập việc vay mượn tiền hai bên tự nguyện thoả thuận về việc trả lãi, do vậy việc bà C yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả lãi đối với khoản vay trên là có căn cứ. Bà T cho rằng bà đã trả lãi nhiều lần tuy nhiên bà không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử đối trừ nghĩa vụ trả lãi của bà.

Tại phiên toà bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Yêu cầu Toà án áp dụng mức lãi suất là 13,5%/năm đối với khoản vay trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu thay đổi của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về mức lãi xuất áp dụng: Theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 ngân hàng N xác định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Căn cứ khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Bà Bùi Kim C yêu cầu tính lãi 13,5%/năm đối với khoản vay trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật do vậy cần được chấp nhận.

[2.3]. Về thời gian bắt đầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Bùi Kim C trình bày kể từ ngày vay bà T chưa trả lãi được lần nào cho khoản vay trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Hà Thu T trình bày đã được trả lãi nhiều lần nhưng không nhớ số lần cụ thể và cũng không lưu giữ lại bất cứ tài liệu nào chứng minh việc mình đã trả lãi.

Căn cứ vào giấy vay tiền và những tài liệu các bên đương sự giao nộp. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thời gian tính lãi kể từ tháng 01/2017 âm lịch (tức tháng 01/2017 dương lịch) là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tính từ thời điểm tháng 01/2017 đến thời điểm xét xử vụ án thời gian tính lãi đối với khoản vay trên là 08 năm 05 tháng 06 ngày. Tại phiên toà bà Bùi Kim C nhất trí tính lãi tròn 08 năm 05 tháng. Với tổng số tiền lãi là 45.450.000 đồng.

[3]. Những vấn đề khác.

Tại phiên toà, bà Hà Thu T trình bày với lý do hiện nay hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện để thanh toán một lần khoản vay trên cho bà C do vậy đề nghị được trả hàng tháng mỗi tháng từ 1-2 triệu đồng. Tuy nhiên, bà C không nhất trí do vậy đề nghị của bà T không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận vì vậy nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hà Thu T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 280, 281, 282, 290, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Kim C.

Buộc bà Hà Thu T phải trả cho bà Bùi Kim C số tiền 85.450.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 40.000.000 đồng và số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/07/2025) là 45.450.000 đồng).

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2]. Về án phí: Buộc bà Hà Thu T phải chịu 4.272.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Bà Bùi Kim C được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.693.200 đồng theo biên lai số 0001296 ngày 19/05/2025 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKS tỉnh Cao Bằng;
- VKS Khu vực 1-Cao Bằng;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Dương sự
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Xuân Huy